

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30 tháng 8 năm 2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đính

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hoàng
2. Bà Nguyễn Thị Mỹ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Nam - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Lê Đình Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 17/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2019, về việc “Yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Quốc T, sinh năm 1979; địa chỉ nơi cư trú: Ấp A, huyện B, thành phố C, tỉnh Đồng Nai; Vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị Lê Thị H, sinh năm 1986; địa chỉ nơi cư trú: Làng D, xã O, huyện G, tỉnh Gia Lai; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn Nguyễn Quốc Toàn trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Quốc T và chị Lê Thị H có tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 18-02-2004, tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc, nhưng được một thời gian thì anh T phát hiện vợ chồng có nhiều điểm không hợp nhau, quan điểm sống trái ngược, chị H có hành vi ngoại tình, dẫn đến vợ của người kia phải mời anh đến nhà để làm việc, vì chán nản nên anh T đã bỏ đi. Mâu thuẫn vợ chồng đã nhiều lần được hàn gắn nhưng vẫn tiếp tục xảy ra. Hiện tại thì vợ chồng không còn yêu thương nhau và đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh T yêu cầu được ly hôn với chị Lê Thị H.

- Về con chung: Anh Nguyễn Quốc T và chị Lê Thị H có 02 (hai) con chung, là cháu Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 14-12-2004 và cháu Nguyễn Thành Đ, sinh

ngày 01-4-2010. Anh Nguyễn Quốc T yêu cầu giao cả hai con chung cho chị Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Quốc T không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh Nguyễn Quốc T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn Lê Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Quốc T có tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 18-02-2004, tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Thời gian quá trình chung sống vợ chồng hay nảy sinh mâu thuẫn cãi nhau và cả hai đã sống ly thân từ tháng 3-2017 cho đến nay. Hiện nay chị H không còn tình cảm với anh Nguyễn Quốc T, nên chị H đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Quốc T có 02 (hai) con chung, là cháu Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 14-12-2004 và cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 01-4-2010. Chị Lê Thị H yêu cầu nuôi hai con chung và không yêu cầu anh Nguyễn Quốc T không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị Lê Thị H cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Đương sự đã giao nộp và Tòa án thu thập các tài liệu, chứng cứ: 01 Bản sao Giấy chứng minh nhân dân của anh Nguyễn Quốc T; 01 Trích lục Giấy khai sinh của Nguyễn Hoàng A; 01 Trích lục Giấy khai sinh của Nguyễn Thành Đ; 01 Trích lục Giấy chứng nhận kết hôn của anh Nguyễn Quốc T và chị Lê Thị H; 01 Bản tự khai đề ngày 22-02-2019; 01 Bản sao Sổ hộ khẩu của anh Nguyễn Quốc T và chị Lê Thị H; 01 Đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải đề ngày 01-4-2019; 01 Bản tự khai đề ngày 07-3-2019; 01 Đơn xin giải quyết vắng mặt đề ngày 07-3-2019; 01 Biên bản xác minh ngày 07-3-2019; 02 biên bản hỏi ý kiến của con chưa thành niên; 01 Đơn đề nghị xét xử vắng mặt

4. Phát biểu ý kiến, đại diện Viện kiểm sát khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án; Đối với nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin vắng mặt vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt; Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết. Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Đối với nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt họ.

[2] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Quốc T và chị Lê Thị H đăng ký kết hôn ngày 18-02-2004 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Anh Nguyễn Quốc T và chị Lê Thị H kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Hội đồng xét xử thấy rằng, trong thời gian sống chung anh Nguyễn Quốc T và chị Lê Thị H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh T cho rằng chị H có hành vi ngoại tình, dẫn đến vợ của người kia phải mời đến nhà để làm việc. Anh Nguyễn Quốc T và chị Lê Thị H đã sống ly thân từ tháng 3-2017 cho đến nay. Như vậy, có đủ căn cứ để khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Nguyễn Quốc T và chị Lê Thị H đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Quốc T.

[3] Về con chung: Anh Nguyễn Quốc T và chị Lê Thị H có 02 (hai) con chung, là cháu Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 14-12-2004 và cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 01-4-2010. Anh Nguyễn Quốc T yêu cầu giao cả hai con chung cho chị Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Quốc T không phải cấp dưỡng nuôi con. Yêu cầu nuôi con của anh Nguyễn Quốc T phù hợp với yêu cầu của chị Lê Thị H và cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu Nguyễn Hoàng A và cháu Nguyễn Thành Đ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Quốc T và chị Lê Thị H đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Quốc T là người khởi kiện yêu cầu ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng các Điều 144, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Quốc T và chị Lê Thị H.

2. Về con chung:

Giao con chung của anh Nguyễn Quốc T và chị Lê Thị H là cháu Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 14-12-2004 và cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 01-4-2010 cho chị Lê Thị H tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Anh Nguyễn Quốc T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về án phí: Buộc Nguyễn Quốc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0005518 ngày 22 tháng 02 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Gia Lai. Anh Nguyễn Quốc T đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo Bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

Lê Văn Đính